TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**
Số: **101**/2019/QĐST-HNGĐ	Ngũ Hành Sơn, ngày 28 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Tuyết M**, Sinh năm 1973

(Giấy chứng minh nhân dân tên: Nguyễn Thị M, sinh năm 1970)

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/5/2019):

1/Ông **Vũ Văn N**, sinh năm: 1959

2/Ông **Vũ Đức H**, sinh năm: 1954

Cùng địa chỉ liên lạc: Số 117 đường N, phường S, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- ***Bị đơn:*** Anh **Trần T**, Sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 38, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

II/Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Công nhận lô đất có diện tích 90m^2, thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 8344/2001/ĐC.NĐ tọa lạc tại số 07 đường M, tổ 38, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 22/10/2002 cho anh Trần T và chị Nguyễn Thị Tuyết M) có giá trị

4.788.045.000đ (Bốn tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, không trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) là tài sản chung của anh Trần T và chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1973*(Giấy chứng minh nhân dân tên:* Nguyễn Thị M, sinh năm 1970).

2/ Công nhận ngôi nhà cấp 4 có kết cấu 02 tầng, trụ dầm, sàn đúc bê tông, tường xây gạch trát vữa sơn vôi, nền lát gạch men, mái lợp tole, xà gồ gỗ có diện tích xây dựng 84m^2 (16,8m x 5m), diện tích sử dụng 174m^2 tọa lạc trên lô đất có diện tích 90m^2,thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 8344/2001/ĐC.NĐ tại số 07 đường M, tổ 38, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng là tài sản thuộc sở hữu riêng của anh Trần T.

3/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Giao nhà và đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 8344/2001/ĐC.NĐ tọa lạc tại số 07 đường M , tổ 38, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng cho anh Trần T được quyền sở hữu, sử dụng.

Cụ thể: ngôi nhà cấp 4 có kết cấu 02 tầng, trụ dầm, sàn đúc bê tông, tường xây gach trát vữa sơn vôi, nền lát gạch men, mái lợp tole, xà gồ gỗ có diện tích xây dựng 84m^2 (16,8m x 5m), diện tích sử dụng 174m^2 tọa lạc trên lô đất có diện tích 90m^2,thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 8344/2001/ĐC.NĐ tại số 07 đường M, tổ 38, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng. Nhà và đất có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp đường quy hoạch (nay là đường M), rộng 5m.

+ Nam giáp mương thoát nước, rộng 5m.

+ Tây giáp nhà đất bà H1 thuộc lô số 19, dài 18m.

+ Đông giáp nhà đất ông T1 thuộc lô số 17, dài 18m.

-Anh Trần T có nghĩa vụ thối trả phần giá trị tài sản chung cho chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1973*(Giấy chứng minh nhân dân tên:* Nguyễn Thị M, sinh năm 1970) số tiền **1.600.000.000đ** (Một tỷ , sáu trăm triệu đồng) vào ngày 12/02/2020.

Anh T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà đất nêu trên theo quy định.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4/ Về án phí sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung (đã giảm 50%) anh Trần T phải chịu là 95.760.900đ (Chín mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn, chín trăm đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung (đã giảm 50%) chị Nguyễn Thị Tuyết M (Nguyễn Thị M) phải chịu là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) chị M đã nộp theo Biên lai thu số 0009611 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng. Chị M còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 9.000.000đ (Chín triệu đồng)

5/ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đ (đã nộp, đã chi) chị M, anh T mỗi người phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Chi phí thẩm định giá tài sản 16.300.000đ (đã nộp, đã chi) chị M, anh T mỗi người phải chịu 8.150.000đ (Tám triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng).

Do chị M đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản nên anh T có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị M tổng cộng số tiền là **9.150.000đ** (Chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

III/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận NHS;
- Chi cục THADS quận NHS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THANH NGA